

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN
Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số: 220/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09/9/2024 về: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, mức cấp dưỡng*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết Việc dân sự:*

Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố D, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH

[1] Bà Đoàn Thị M, ông Nguyễn Trí T đăng ký kết hôn hợp pháp tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 09/01/2012, theo giấy Chứng nhận kết hôn số 02.

Nay bà M, ông T xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đoàn Thị M, ông Nguyễn Trí T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông bà có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tú N, giới tính: nữ; sinh ngày: 23/6/2021.

Giao con chung Nguyễn Ngọc Tú N cho bà Đoàn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng Ông Nguyễn Trí T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000/tháng cho bà Đoàn Thị M đến khi con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, ông T, bà M đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đoàn Thị M, ông Nguyễn Trí T phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết Việc Hôn nhân và gia đình. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002048, ngày 09/9/2024. Ông bà đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 2, 6, 7, 7A, 9, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp.Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bích Ngọc